

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH 88

Địa chỉ: Số 272, tổ dân phố 3, phường Điện Biên Phủ - tỉnh Điện Biên
Điện thoại: 0812.888.122 - Email: songotri99999@gmail.com



BẢN CÔNG BỐ

THÔNG TIN NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ
NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Điện Biên, năm 2026

V/v Công bố thông tin bổ sung thay thế bản công bố ngày 06/4/2026 về năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

-----*-----
Điện Biên, ngày 21 tháng 05 năm 2026

Kính gửi: Sở xây dựng tỉnh Điện Biên

- Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ xây dựng;

- Căn cứ số 2452-TB-SXD ngày 20 tháng 5 năm 2026 về việc thông báo Kết quả kiểm tra hoạt động của phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Công ty TNHH tư vấn kiểm định 88 công bố bổ sung công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay thế bản công bố thông tin ngày 06/4/2026.

I. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

1. Tên tổ chức: Công ty TNHH tư vấn kiểm định 88
2. GCN Đăng ký doanh nghiệp: 5600358212 do Sở tài chính tỉnh Điện Biên cấp lần đầu ngày 18/03/2026
3. Địa chỉ: Số 272, tổ dân phố 3, phường Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên
4. Điện thoại: 0812888122
5. Mã số thuế: 5600358212
6. Địa chỉ trụ sở chính: Số 272, tổ dân phố 3, phường Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên
7. Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm và kiểm định vật liệu xây dựng
8. Trưởng phòng: Ngô Trí Sơn

II. Thông tin năng lực của tổ chức hoạt động chuyên ngành xây dựng:

2.1. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm, tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng và máy móc thiết bị và thí nghiệm viên để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm.

STT	Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
Thử nghiệm cơ – hóa lý xi măng				
1	Xác định Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605: 2023 TCVN 4030:2003; BS 1881-94; ASTM C204-11; ASTM C115;ASTM C188-17, C204-18; AASHTO T133, T53, T192; JIS R 5201-97	- Sàng 0,09mm. - Cân (0,01g). - Tủ sấy. - Bình tỷ trọng. - Chậu nước. - Dầu hoá	- Ngô Trí Sơn - Dương Văn Dân - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Phạm Việt Hùng - Trương Xuân Giang
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011 ASTM C109/ C109M- 16A; ASTM C348- 14; ASTM C349- 14; BS EN 196-1:05; BS 1881; JIS R 50201-97	- Cát tiêu chuẩn, - Máy trộn, khuôn (4x4x16cm). - Bàn dằn. - Máy thử độ bền uốn (10kN±1%). - Máy thử độ bền nén (tăng tải 2400±200N/s). - Gá định vị. - Tủ dưỡng hộ.	- Ngô Trí Sơn - Dương Văn Dân - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Phạm Việt Hùng - Trương Xuân Giang
3	XĐ độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015; TCVN 8875:2012 ASTM C187, C191; AASHTO T131-15;	- Bộ dụng cụ Vica. - Chảo trộn, bay. - Cân (0,01g), ống đồng, dao thép. - Tấm kim loại. - Đồng hồ bấm giây. - Cân (1g). - Máy trộn (ISO 679). - Thùng lược mẫu. - Khuôn Lơ Satolie	- Ngô Trí Sơn - Dương Văn Dân - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Phạm Việt Hùng - Trương Xuân Giang
4	Xác định khả năng giữ nước	TCVN 9202:2012	- Bộ kim vika xác định khả năng giữ nước của xi măng, vải lau.	- Ngô Trí Sơn - Dương Văn Dân - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Phạm Việt Hùng - Trương Xuân Giang
Thử nghiệm hỗn hợp bê tông và bê tông nặng				
5	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022; ASTM C143/ C143M-15a; AASHTO T119-13; BS EN 12350-2:09	- Côn thử độ sụt, que chọc, phễu đổ hỗn hợp, thước lá kim loại	- Ngô Trí Sơn - Dương Văn Dân - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Phạm Việt Hùng - Trương Xuân Giang

STT	Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
6	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:2022; ASTM C138/ C138M-17a; AASHTO T121-11; BS EN12350-6:09	- Thùng kim loại 5, 15l. - Thiết bị đầm (2800-3000 vg/ph). - Cân kỹ thuật (50g). - Thước lá 400mm.	- Ngô Trí Sơn - Dương Văn Dân - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Phạm Việt Hùng - Trần Mạnh Thường - Trương Xuân Giang
7	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022; ASTM C232/C232M-14; AASHTO T158-15;	- Khuôn thép 20cm, - Bàn rung, que chọc. - Cân kỹ thuật (0,01g). - Sàng 5mm. - Thước lá kim loại, ống đong, pipet 5ml. - Tủ sấy, khay sắt.	- Ngô Trí Sơn - Dương Văn Dân - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Phạm Việt Hùng - Trương Xuân Giang
8	Xác định thành phần hỗn hợp bê tông nặng.	TCVN 3110:2022; ASTM D2850-3a; BS 5328; AASHTO T234.	- Tủ sấy. - Cân kỹ thuật (0,01g). - Sàng 5mm, 1,2mm, 0,15mm. - Dụng cụ lấy mẫu, dụng cụ rửa mẫu.	- Ngô Trí Sơn - Dương Văn Dân - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Phạm Việt Hùng - Trương Xuân Giang
9	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022; ASTM C642-13; AASHTO T152-11 BS EN 12390-7:09; JIS A 128/129:05	- Bình khối lượng riêng. - Cân phân tích. - Búa. - Cối chày đồng, - Bình hút ẩm, - Tủ sấy, - Sàng 2 hoặc 2,5mm, dầu hoả, cồn 90°.	- Ngô Trí Sơn - Dương Văn Dân - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Phạm Việt Hùng - Trương Xuân Giang
10	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022; ASTM C643-13; BS EN 12390-7:09	- Cân kỹ thuật (5g). - Thùng ngâm mẫu, - Tủ sấy.	- Ngô Trí Sơn - Dương Văn Dân - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Phạm Việt Hùng - Trương Xuân Giang
11	Xác định độ co của bê tông.	TCVN 3117:2022; ASTM C157-08;	- Đồng hồ so 0,001mm, các chốt định	- Ngô Trí Sơn - Dương Văn Dân

STT	Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
			vì, thanh chuẩn, keo dán.	- Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Phạm Việt Hùng - Trần Mạnh Thường - Trương Xuân Giang - Trần Công Bình
12	Xác định giới hạn bền nén	TCVN 3118:2022 ASTM C39/C39M-18; AASHTO T22; BS EN 12390-3:09; JIS A 1107.	- Máy nén 200 tấn. - Thước lá kim loại, đệm truyền tải	- Ngô Trí Sơn - Dương Văn Dân - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Phạm Việt Hùng - Trần Mạnh Thường - Trương Xuân Giang - Trần Công Bình
13	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:1993 ASTM C78/C78M-16; ASTM C293/C293M-16; AASHTO T97-03, T177-17; BS EN 12390-5:09.	- Máy uốn 100KN. - Thước lá kim loại. - Bộ gá uốn.	- Ngô Trí Sơn - Dương Văn Dân - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Phạm Việt Hùng - Trương Xuân Giang
14	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bẻ	TCVN 3120:1993; ASTM C496/C496M-17; AASHTO T198-15; BS EN 12390-6:09	- Máy nén 100KN, - Bộ ép chế mẫu hình trụ, đệm truyền tải.	- Ngô Trí Sơn - Dương Văn Dân - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Phạm Việt Hùng - Trương Xuân Giang
15	Xác định thời gian đông kết của bê tông; độ chảy xoè.	TCVN 9338:2012; ASTM C40/403M3-16; AASHTO T179-15;	- Bộ kim xuyên, - Đồng hồ bấm giây.	- Ngô Trí Sơn - Dương Văn Dân - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Phạm Việt Hùng - Trương Xuân Giang
16	Xác định nhiệt độ trong hỗn hợp bê tông, khối lượng	TCVN 9340:2012; ASTM C1964-05/C1611-14/C1040-	- Can nhiệt, đầu hiển thị nhiệt độ....	- Ngô Trí Sơn - Dương Văn Dân - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn

STT	Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
	thể tích tại hiện trường	08; AASHTO T309-11/ A 1150:07, EN 12350-5:09		- Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Phạm Việt Hùng - Trần Mạnh Thường - Trương Xuân Giang - Trần Công Bình
Thử nghiệm cốt liệu cho bê tông và vữa				
17	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006; ASTM C136/136M-14; AASHTO T27-18, T37-16;	- Cân có độ chính xác 1%. - Bộ sàng tiêu chuẩn, - Tủ sấy.	- Ngô Trí Sơn - Dương Văn Dân - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Phạm Việt Hùng - Trần Mạnh Thường - Trương Xuân Giang - Trần Công Bình
18	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước.	TCVN 7572-4:2006; ASTM C128/ C127-15; AASHTO T185-17;	- Cân độ chính xác 0,1%. - Tủ sấy - Bình khối lượng riêng. - Thùng ngâm mẫu. - Khăn thấm nước mềm và khô. - khay chứa. - Côn thử độ sụt của cốt liệu. - Phễu chứa dùng để rót cốt liệu vào côn. - Que chọc kim loại. - Bình hút ẩm. - Sàng 5mm và 0,14mm.	- Ngô Trí Sơn - Dương Văn Dân - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Phạm Việt Hùng - Trương Xuân Giang
19	Xác định khối lượng riêng; KL thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn.	TCVN 7572-5:2006; ASTM C127-15; AASHTO T85-14;	- Cân chính xác đến 0,001g. - Tủ sấy. - Bộ sàng tiêu chuẩn, kích thước mắt sàng 5mm, 2,5mm, 1,25mm, 0,63mm, 0,315mm, 0,14mm.	- Ngô Trí Sơn - Dương Văn Dân - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Phạm Việt Hùng - Trương Xuân Giang
20	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hồng.	TCVN 7572-6:2006; ASTM C29/C29M-17a; AASHTO T19/T19M-18; EN 1097-3:98;	- Thùng đong 1; 2; 5; 10; 20 (lít). - Cân độ chính xác 1%. - Bộ sàng tiêu chuẩn. - Tủ sấy. - Thước lá kim loại. - Thanh gỗ thẳng, nhẵn.	- Ngô Trí Sơn - Dương Văn Dân - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Phạm Việt Hùng - Trương Xuân Giang
21	Xác định độ ẩm.	TCVN 7572-7:06; ASTM C566-13;	- Cân chính xác 1%. - Tủ sấy.	- Ngô Trí Sơn - Dương Văn Dân

STT	Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
		ASTM C70; AASHTO T255-16;	- Dụng cụ đảo mẫu.	- Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Phạm Việt Hùng - Trương Xuân Giang
22	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; ASTM C142/ C142M-17; ASTM C117-17	- Cân độ chính xác 0,1%. - Tủ sấy, - Thùng rửa cốt liệu, - Đồng hồ bấm giây, - Tấm kính, - Que hoặc kim sắt nhỏ	- Ngô Trí Sơn - Dương Văn Dân - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Phạm Việt Hùng - Trương Xuân Giang
23	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10 :2006; ASTM C2938:02	- Máy nén thuỷ lực. - Máy mài nước. - Thùng để ngâm nước. - Máy khoan và máy cưa đá.	- Ngô Trí Sơn - Dương Văn Dân - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Phạm Việt Hùng - Trương Xuân Giang
24	Xác định độ nén đập trong xi lanh và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006; ASTM C131; AASHTO T96;	- Máy nén thuỷ lực 500KN. - Xi lanh bằng thép đáy rời. - Cân chính xác 1%. - Bộ sàng tiêu chuẩn. - Tủ sấy.	- Ngô Trí Sơn - Dương Văn Dân - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Phạm Việt Hùng - Trương Xuân Giang
25	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles)	TCVN7572-12:2006; ASTM C131/ C131M-14, C533-16; AASHTO T96-06;	- Máy Los Angeles và bi thép, - Cân chính xác 1%. - Bộ sàng kích thước 37,5; 25; 19; 12,5; 9,5; 6,3; 4,75; 2,36; 1,7mm. - Tủ sấy.	- Ngô Trí Sơn - Dương Văn Dân - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Phạm Việt Hùng - Trương Xuân Giang
26	Xác định hàm lượng hạt trôi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN7572-13:2006; ASTM D 4791-10;	- Cân độ chính xác 1%. - Thuốc kẹp cải tiến. - Bộ sàng tiêu chuẩn, - Tủ sấy.	- Ngô Trí Sơn - Dương Văn Dân - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng

STT	Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
				- Nguyễn Hữu Ngọc - Phạm Việt Hùng - Trương Xuân Giang
27	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN7572-17:2006; AASHTO T122-16;	- Cân chính xác 0,01g. - Tủ sấy. - Bộ sàng tiêu chuẩn. - Kim sắt và kim nhôm. - Búa con	- Ngô Trí Sơn - Dương Văn Dân - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Phạm Việt Hùng - Trương Xuân Giang
28	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN7572-18:2006	- Cân kỹ thuật. - Kính lúp	- Ngô Trí Sơn - Dương Văn Dân - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Phạm Việt Hùng - Trương Xuân Giang
29	Xác định hàm lượng mica	TCVN7572-20:2006	- Cân chính xác 0,001g. - Tủ sấy. - Sàng 5mm - 2,5 - 1,25 - 0,63 - 0,315 - 0,14mm. Giấy nhám, đĩa thủy tinh.	- Ngô Trí Sơn - Dương Văn Dân - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Phạm Việt Hùng - Trương Xuân Giang
30	Xác định đương lượng cát (hệ số Es)	ASTM D2419	- Bộ ống đong lượng. - Bộ quả tạ sục mẫu. - Dung dịch CaCl ₂ - Glycerin. - Bình chứa nước, chứa dung dịch. Sàng 4,75mm.	- Ngô Trí Sơn - Dương Văn Dân - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Phạm Việt Hùng - Trương Xuân Giang
Thử nghiệm cơ lý đất				
31	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012; AASHTO T100-10; ASTM D854-10;	- Cân kỹ thuật (0,01g). - Bình tỷ trọng (100cm ³). - Cối chà sứ (đồng), rây 2mm, - Bếp cát - Tủ sấy. - Tỷ trọng kế. - Thiết bị ổn nhiệt, cốc nhỏ (hộp	- Ngô Trí Sơn - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Phạm Việt Hùng - Trần Mạnh Thương

STT	Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
			nhôm có nắp). - Dầu hoả. - Bơm chân không (có cả bình hút chân không).	
32	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:12, TCVN 10321:2014, BS EN 1377:90, AS 1289-2.1.1 & 4, ASTM D2216:10, AASHTO M148	- Tủ sấy. - Cân kỹ thuật (0,01g). - Cốc thuỷ tinh (hộp nhôm có nắp). - Bình hút ẩm có clorua canxi, rây (1mm). - Cối và chày sứ có đầu bọc cao su, khay men phơi đất. - Cân phân tích (0,001g), rây 0,5mm.	- Ngô Trí Sơn - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Trần Mạnh Thường
33	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012; AASHTO T89-10; AASHTO T90-08; BS 1377:90; ASTM D4318-10;	- Quả dọi thẳng bằng (góc ở đỉnh 300 cao 25mm), 2 quả cầu bằng kim loại, thanh thép nối 2 quả cầu thành nửa vòng tròn (khối lượng 76±0,2g, khuôn hình trụ kim loại không gỉ $\phi > 40\text{mm}$, cao > 20mm, các tấm kính nhám, rây (1mm), - Cối và chày sứ có đầu bọc cao su, - Bình thuỷ tinh có nắp, - Cân kỹ thuật (0,01g), - Cốc thuỷ tinh (hộp nhôm có nắp), - Tủ sấy. - Bát sắt tráng men, dao để trộn - Dụng cụ Casagrande.	- Ngô Trí Sơn - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Trần Mạnh Thường
34	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4196:12, BS EN 1377:90, AS 1289-2.1.1 & 4, ASTM D2216:10, AASHTO M148	- Cân kỹ thuật (0,01g). - Bộ rây (10, 5, 2, 1,05; 025, 0,1mm). - Cối và chày sứ có đầu bọc cao su. - Tủ sấy. - Bình hút ẩm có clorua canxi, quả lê bằng cao su, dao con. - Cân (1g). - Cân phân tích. - Tỷ trọng kế (vạch 0,001), bộ phận đun và làm lạnh, bình tam giác (1000cm ³ , ϕ 60±2mm), nhiệt kế (0,5 ⁰ C), que khuấy, đồng hồ bấm, máy rửa, ống hút (5cm ³ và 50cm ³), thước thẳng 20cm.	- Ngô Trí Sơn - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Trần Mạnh Thường
35	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm và độ chặt đất đá dăm.	TCVN 4201:2012; 22TCN 333:2006; AASHTO T99, T180, T199, BS 1377:90, ASTM D1557-09/ ASTM D698; ASTM D1557	- Cối đầm nện và cần dẫn búa bằng kim loại, cân kỹ thuật (0,01g), sàng (5mm), bình phun nước, tủ sấy (t0), bình hút ẩm có clorua canxi, hộp nhôm (cốc thuỷ tinh có nắp), dao gạt đất, vò đập đất, khay (40x60cm), vải phủ, cối sứ và chày bọc cao su.	- Ngô Trí Sơn - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Trần Mạnh Thường
36	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng) phương pháp dao vòng và dầu hoả.	TCVN 4202:2012; ASTM D698; AASHTO T99;	- Dao vòng, cân kỹ thuật chính xác 0,01 và 0,1g, thước kẹp, dao cắt có lưỡi thẳng, các tấm kính hoặc các tấm kim loại thẳng.	- Ngô Trí Sơn - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc

STT	Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
				- Trần Mạnh Thường
37	Thí nghiệm sức chịu tải (CBR) của đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm.	22TCN 332:06; AASHTO T193-10, ASTM D1883-07, ASTM D1883	- Máy gia tải 44.5 kN, - Đồng hồ biến dạng ± 0.01 mm, - Cối CBR, chày dăm, - Bộ dụng cụ đo trương nở, tẩm gia tải, bể nước ngâm mẫu, tủ sấy, cân ± 0.01 g và ± 1 g, sàng 4.75mm, 19mm, 50mm, hộp nhôm (cốc thủy tinh cú nắp), dao gạt đất, vò đập đất, khay (40x60cm), vải phủ, cối sứ và chày bọc cao su. - Tủ sấy. - Lò Nung. - Cân kỹ thuật, giấy lọc định lượng, hoá chất chuẩn....	- Ngô Trí Sơn - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Trần Mạnh Thường
38	Xác định đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:2012	- Đĩa co ngót - Cân kỹ thuật - Tủ sấy - Bình đo thể tích - Dao gạt và dụng cụ chuẩn bị mẫu	- Ngô Trí Sơn - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Trần Mạnh Thường
39	Xác định hệ số thấm K;	TCVN 8723:2012; ASTM D2434-00; ASTM D5856; TCVN 8726:2012; AASHTO T204:90, GOST 25584, JIS A1218	- Ống thấm - Bình chứa nước - Ống đo cột nước - Đồng hồ đo thời gian - Mẫu đất bão hòa	- Ngô Trí Sơn - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Trần Mạnh Thường
40	Xác định hàm lượng hữu cơ	TCVN 8726:2012; BS1377-43:90; ASTM D2974; AASHTO T267; T194	- Lò nung - Chén nung sứ hoặc kim loại - Cân kỹ thuật chính xác - Tủ sấy - Kẹp gấp chén nung	- Ngô Trí Sơn - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Trần Mạnh Thường
41	Xác định độ thấm nước của đất bằng thí nghiệm đổ nước trong hố đào và trong hố khoan tại hiện trường	TCVN 8731:2012	- Vòng chắn thép (vòng thấm) - Thước đo mực nước / thước thép - Thùng cấp nước - Đồng hồ bấm giờ - Dụng cụ đóng vòng - Xô, ca	- Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Đào Nam - Nguyễn Hữu Ngọc - Phạm Việt Hùng - Trần Mạnh Thường - Trương Xuân Giang
Thử nghiệm tại hiện trường và cấu kiện bê tông đúc sẵn.				
42	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng PP dao vòng.	TCVN 12791:2020; ASTM D 2937-17 e2; AASHTO T204-17	- Dao đai tròn. - Cân đĩa 5kg 0,1g. - Dao gạt đất, hộp nhôm. - Chảo sấy. - Cồn.	- Ngô Trí Sơn - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc

STT	Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
			- Búa đóng loại 0,5kg.	- Trần Mạnh Thường
43	Độ ẩm; Khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát.	TCVN 8728:12; TCVN 8729: 12; 22TCN 346:2006;	- Bộ phễu rót cát. - Cân kỹ thuật. - Chảo sấy, búa, đục, xẻng, bay, bao đựng mẫu, xô, vải bạt.	- Ngô Trí Sơn - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Trần Mạnh Thường
44	Xác định mô đun đàn hồi "E" của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng.	TCVN 8861:2011; AASHTO T256:01	- Tấm ép cứng chuyên dùng. - Kịch (dầm khung ép), lực kế.	- Ngô Trí Sơn - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Trần Mạnh Thường
45	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011; ASTM E950; E1082	- Thước dài 3m (nhẹ, đủ cứng, độ vòng <0,5mm, bằng hợp kim nhôm hay gỗ tốt), nệm có chiều dày 3, 5, 7, 10, 15mm.	- Ngô Trí Sơn - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Trần Mạnh Thường
46	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát.	TCVN 8866:2011; ASTM E965-96	- Cát chuẩn. - Bàn xoa. - Ống đồng tiêu chuẩn. - Dụng cụ che chắn gió. - Thước lá 500mm.	- Ngô Trí Sơn - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Trần Mạnh Thường
47	Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo vồng Ben kelman	TCVN 8867:2011; ASTM D4695-96	- Bộ Cần đo vồng.	- Ngô Trí Sơn - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Trần Mạnh Thường
48	Bê tông nặng – Phương pháp xác định cường độ nén bằng súng bật nảy.	TCVN 9334:12; ASTM C805/C805M-13a	- Súng bật nảy - Mẫu chuẩn - Đá mài - Thước đo.	- Ngô Trí Sơn - Đào Đức Anh
49	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông.	TCVN 9335:2012	- Máy siêu âm bê tông - Súng bật nảy - Mẫu chuẩn - Đá mài - Thước đo	- Ngô Trí Sơn - Đào Đức Anh
50	Phương pháp không phá hủy đánh giá chất lượng bê tông bằng vận tốc xung siêu âm	TCVN 9357:2012	- Máy siêu âm bê tông	- Ngô Trí Sơn - Đào Đức Anh

STT	Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
51	Xác định cường độ bê tông trên mẫu khoan từ cấu kiện	TCVN 12252 :2020 TCVN 14524 : 2025 ASTM C42 ; EN 13791	- Máy khoan lấy mẫu, - Thước kẹp , - Tước lá, - Máy cắt gia công mẫu, - Dụng cụ capping, - Máy nén bê tông	- Ngô Trí Sơn - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Đào Nam - Nguyễn Hữu Ngọc - Phạm Việt Hùng - Trương Xuân Giang - Trần Công Bình
52	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012	- Máy đo điện trở tiếp đất, dây tín hiệu, đầu đo, kẹp đầu đo.	- Ngô Trí Sơn - Nguyễn Thị Lan Phương
53	Cọc – Phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục.	TCVN 9393:2012; ASTM D 3689:07; ASHTO D 1143;	- Kích thủy lực gắn đồng hồ áp lực, đồng hồ so 0 – 50mm, để từ giữ đồng hồ, dầm chuẩn.	- Ngô Trí Sơn - Trần Công Bình
Thử nghiệm vữa xây dựng				
54	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2003	- Cân chính xác 1%. - Bộ sàng tiêu chuẩn. - Tủ sấy.	- Ngô Trí Sơn - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Đào Nam - Nguyễn Hữu Ngọc - Trương Xuân Giang - Trần Công Bình
55	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2003	- Dụng cụ thử độ lưu động hỗn hợp vữa - Chày đầm - Chảo sắt - Xẻng con - Bay.	- Ngô Trí Sơn - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Đào Nam - Nguyễn Hữu Ngọc - Trương Xuân Giang - Trần Công Bình
56	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2003	- Tủ sấy. - Cân kỹ thuật. - Thước lá kim loại.	- Ngô Trí Sơn - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Đào Nam - Nguyễn Hữu Ngọc - Trương Xuân Giang - Trần Công Bình
57	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2003	- Dùng phương pháp bàn dần.	- Ngô Trí Sơn - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Đào Nam - Nguyễn Hữu Ngọc - Trương Xuân Giang - Trần Công Bình
58	Xác định khối lượng thể tích của mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2003	- Thùng kim loại. - Thiết bị đầm. - Cân kỹ thuật. - Thước lá thép.	- Ngô Trí Sơn - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng

STT	Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
			- Tủ sấy 200 ⁰ C.	- Nguyễn Đào Nam - Nguyễn Hữu Ngọc - Trương Xuân Giang - Trần Công Bình
59	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2003 ASTM C109/C109M	- Khuôn 40x40x160mm. - Máy nén thủy lực 5T (±2%). - Bộ gá nén mẫu 40*40mm - Bộ gá uốn mẫu 40*40*160mm.	- Ngô Trí Sơn - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Đào Nam - Nguyễn Hữu Ngọc - Trương Xuân Giang - Trần Công Bình
60	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2003	- Cân kỹ thuật (1g). - Thùng ngâm mẫu. - Tủ sấy. - Khăn lau.	- Ngô Trí Sơn - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Đào Nam - Nguyễn Hữu Ngọc - Trương Xuân Giang - Trần Công Bình
61	Thử nghiệm độ chảy của vữa tươi bằng dụng cụ côn chảy	ASTM C939	- Phễu đo độ chảy của vữa. - Đồng hồ bấm giây.	- Ngô Trí Sơn - Hoàng Mạnh Tuấn - Lưu Đình Hùng - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Đào Nam - Nguyễn Hữu Ngọc - Trương Xuân Giang - Trần Công Bình
Phân tích chất lượng nước xây dựng				
62	Xác định Màu sắc, vẩn dầu mỡ	TCVN 4506:2012	- Cảm quan	- Ngô Trí Sơn - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc
63	Xác định pH	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008); SMEWW 4500.H+B:2017	- Bút thử pH	- Ngô Trí Sơn - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc
64	Xác định hàm lượng muối hòa tan và lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988	- Cân phân tích - Tủ sấy - Lò Nung - Bình hút ẩm - Bát sứ - Chén sứ - Giấy lọc không tro - Phễu lọc	- Ngô Trí Sơn - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc
65	Xác định hàm lượng Ion clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996; TCVN 6494-1:2011; SMEWW 4110B:2017; SMEWW	- Phễu lọc thủy tinh - Cân phân tích - Ống nghiệm - Thuốc thử AgNO ₃ - Chất chỉ thị Kalicromat, HCL,	- Ngô Trí Sơn - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc

STT	Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
		4110C:2017; SMEWW 4500.Cl-:2017; US EPA Method 300.0	NaOH, CaCO ₃	
66	Xác định hàm lượng Ion sunfat (SO ₄ ⁻)	TCVN 6200:1996	- Phễu lọc thủy tinh - Cân phân tích - Ống nghiệm - Thuốc thử AgNO ₃ - Chất chỉ thị Kalicromat, HCL, NaOH, CaCO ₃	- Ngô Trí Sơn - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc
67	Xác định hàm lượng chất hữu cơ (Chỉ số Permanganate)	TCVN 6186: 1996	- Phễu lọc thủy tinh - Cân phân tích - Ống nghiệm - Thuốc thử AgNO ₃ - Chất chỉ thị Kalicromat, HCL, NaOH, CaCO ₃	- Ngô Trí Sơn - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc
Thí nghiệm bê tông nhựa				
68	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:11 ASTM D1559; D6927 AASHTO T245	- Máy nén Marshall, - Khuôn đầm Marshall - Búa đầm Marshall, - Kích tháo mẫu, - Bể ổn nhiệt, bếp đun, chảo trộn, - Tủ sấy, - Bể nước ổn nhiệt	- Ngô Trí Sơn - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Trần Công Bình
69	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:11 ASTM D2172 AASHTO T164A	- Máy chiết ly tâm - Dung môi hòa tan nhựa - Cân kỹ thuật - Tủ sấy - Giấy lọc	- Ngô Trí Sơn - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Trần Công Bình
70	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:11 AASHTO T172	- Máy chiết ly tâm - Dung môi hòa tan nhựa - Cân kỹ thuật - Tủ sấy - Bộ sàng tiêu chuẩn	- Ngô Trí Sơn - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Trần Công Bình
71	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:11 ASTM D2041 AASHTO T209(238)	- Bình chân không - Máy hút chân không - Cân kỹ thuật - Bể ổn định nhiệt - Nhiệt kế - Que khuấy để tách bọt khí	- Ngô Trí Sơn - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Trần Công Bình
72	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:11 ASTM D 2726 AASHTO T166	- Bình chân không - Máy hút chân không - Cân kỹ thuật - Bể ổn định nhiệt - Nhiệt kế - Que khuấy để tách bọt khí	- Ngô Trí Sơn - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Trần Công Bình
73	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:11	- Máy nén Marshall - Bộ khuôn Marshall	- Ngô Trí Sơn - Hồ Sỹ Nhung

STT	Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
			- Đồng hồ đo độ chảy - Bể ổn định nhiệt - Tủ sấy	- Hoàng Mạnh Tuấn - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Trần Công Bình
74	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:11	- Phễu tiêu chuẩn - Ống đồng hình trụ - Cân kỹ thuật - Thanh gạt và khay đựng mẫu - Tủ sấy	- Ngô Trí Sơn - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Trần Công Bình
75	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:11	- Máy khoan bê tông nhựa - Cân kỹ thuật - Bể nước để cân trong nước - Thuộc đo kích thước mẫu - Tủ sấy	- Ngô Trí Sơn - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Trần Công Bình
76	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:11	- Máy nén Marshall - Bình chân không - Bể ổn định nhiệt - Tủ sấy	- Ngô Trí Sơn - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Trần Công Bình
77	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:11	- Máy nén Marshall - Cân thủy tĩnh - Bể ổn định nhiệt - Tủ sấy - Thiết bị xác định tỷ trọng cốt liệu	- Ngô Trí Sơn - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Trần Công Bình
78	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:11	- Máy nén Marshall - Cân thủy tĩnh - Bể ổn định nhiệt - Tủ sấy - Thiết bị xác định tỷ trọng	- Ngô Trí Sơn - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Trần Công Bình
79	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:11	- Máy nén Marshall - Khuôn đúc mẫu Marshall - Bể ổn định nhiệt - Nhiệt kế - Đồng hồ bấm giờ	- Ngô Trí Sơn - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Trần Công Bình
Thí nghiệm nhựa đường- nhựa đường lỏng				
80	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:05 ASTM D5-13 AASHTO T49	- Thiết bị xác định độ kim lún nhựa đường - Cốc mẫu - Bể ổn nhiệt.	- Ngô Trí Sơn - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Trần Công Bình
81	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:05 ASTM D 113-17 AASHTO T51	- Thiết bị xác định độ kéo dài Max: 1,5m/0,1mm, khuôn mẫu số 8, bộ điều nhiệt.	- Ngô Trí Sơn - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc

STT	Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
				- Trần Công Bình
82	Xác định điểm hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:05 ASTM D 36-00 AASHTO T53	- Cốc chứa chịu nhiệt - Giá đỡ vòng bi, bi - Nhiệt kế - Bếp gia nhiệt có khuấy...	- Ngô Trí Sơn - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Trần Công Bình
83	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hở Cleveland	TCVN 7498:05 TCVN 8818-2:2011 ASTM D 92-16b AASHTO T48	- Dụng cụ kiểm tra chớp cháy cốc hở - Cốc chứa mẫu bằng đồng - Nhiệt kế.	- Ngô Trí Sơn - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Trần Công Bình
84	Xác định tổn thất khối lượng (chế bị mẫu theo ASTM D1754)	ASTM D1754	- Tủ sấy tổn thất có trục quay - Đĩa + cốc mẫu,....	- Ngô Trí Sơn - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Trần Công Bình
85	Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt 5h ở 165 ⁰ c	TCVN 7499:05 ASTM D 6-00 AASHTO T47	- Tủ sấy tổn thất, đĩa + cốc mẫu,....	- Ngô Trí Sơn - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Trần Công Bình
86	Xác định độ nhớt động học	TCVN 7502:05 ASTM D 2170	- Ống nhớt kế mao quản - Bể ôn nhiệt - Nhiệt kế - Đồng hồ bấm giờ	- Ngô Trí Sơn - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Trần Công Bình
87	Xác định hàm lượng paraffin bằng phương pháp chưng cất	TCVN 7503:05 DIN 52015	- Bộ chưng cất - Bếp gia nhiệt - Bình hứng - Thiết bị làm lạnh - Giấy lọc - Cân phân tích	- Ngô Trí Sơn - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Trần Công Bình
88	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:05	- Cốc thủy tinh - Bếp gia nhiệt - Nhựa đường - Đá dăm (cốt liệu) - Kẹp gấp	- Ngô Trí Sơn - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Trần Công Bình
Thử nghiệm nhũ tương nhựa đường				
89	Xác định độ lắng và ổn định lưu trữ trong 24h	TCVN 8817-3:11 ASTM D 6933 AASHTO T 59	- Ống đong chia vạch - Ống hút lấy mẫu - Cốc kim loại - Tủ sấy - Cân phân tích	- Ngô Trí Sơn - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Trần Công Bình

STT	Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
90	Xác định hàm lượng hạt quá cỡ	TCVN 8817-4:11 ASTM D6933 AASHTO T59	- Rây kim loại 0,85 mm - Cốc thủy tinh - Bình rửa nước - Tủ sấy - Cân phân tích	- Ngô Trí Sơn - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Trần Công Bình
91	Xác định độ khừ nhũ	TCVN 8817-6:11 ASTM D 6939-04	- Cốc trộn - Máy khuấy - Rây tiêu chuẩn - Cân kỹ thuật - Xi măng tiêu chuẩn	- Ngô Trí Sơn - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Trần Công Bình
92	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8:11	- Máy nén - Khuôn chế tạo mẫu bê tông nhựa - Bể ổn định nhiệt - Tủ đông - Thước kẹp	- Ngô Trí Sơn - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Trần Công Bình
93	Xác định hàm lượng nhựa	TCVN 8817-10:11	- Cốc kim loại - Tủ sấy - Cân kỹ thuật - Đũa khuấy	- Ngô Trí Sơn - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Trần Công Bình
94	Xác định khả năng trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13:11 ASTM D6999:04; AASHTO T59:01	- Cốc thủy tinh - Đũa khuấy - Ống đong - Nước cất	- Ngô Trí Sơn - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Trần Công Bình
Thử nghiệm cơ lý vật liệu bột khoáng trong bê tông nhựa				
95	Xác định: Hình dáng bề ngoài; Thành phần hạt; Lượng mất khi nung; Hàm lượng nước; Khối lượng riêng của bột khoáng chất; Khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất; Hệ số háo nước; Hàm lượng chất hòa tan trong nước; Khối lượng riêng của bột khoáng chất và nhựa đường; KLTT và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng chất và nhựa đường; Độ trương nở thể	22TCN 58: 1984; AASHTO T100	- Dùng kính lúp hay kính phóng đại ít nhất là 40 lần. - Bộ sàng: 1,25mm, 0,63mm, 0,315mm, 0,14 và 0,071. - Cân chính xác 0,1g, bát sứ, chày giã đầu bịt cao su. - Bình đựng nước. - Bình hút ẩm. - Chén sứ chịu nhiệt. - Tủ sấy. - Lò nung. - Máy hút chân không, bình rửa. - Nhiệt kế. - Những dụng cụ, thiết bị đúc mẫu, cân thủy tinh chính xác 0,01g, dụng cụ Vi ca, bát sắt, bát sứ, dầu AK, dao thép...	- Ngô Trí Sơn - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Trần Công Bình

STT	Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
	tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường; Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng			
Thử nghiệm gạch xây, gạch bê tông, gạch Tezaro, Gạch lát xi măng, grannito				
96	Gạch xây đất sét nung, xác định: ngoại quan, cường độ bền nén, cường độ bền uốn, độ hút nước, khối lượng thể tích, độ rỗng, vết nứt do vôi, sự thoát muối	TCVN 6355-1÷8:2009; AASHTO T32, ASTM C67-12	<ul style="list-style-type: none"> - Thước cặp sai số 0,01mm. - Thước lá. - Thước thẳng. - Máy cắt. - Máy nén 30 ÷ 60 tấn. - Thước kim loại (1mm), các miếng kính, bay, chảo. - Máy thử uốn. - Cân kỹ thuật (1g). - Cát đen, cát tiêu chuẩn khô, giấy hoặc mút. - Bể giữ ẩm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngô Trí Sơn - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Trần Công Bình
97	Gạch bê tông, xác định: Kích thước hình học, khuyết tật ngoại quan; cường độ bền nén; độ rỗng; độ hút nước, độ thấm nước	TCVN 6477:2016; ASTM C140/C140M-18	<ul style="list-style-type: none"> - Thước lá (1mm). - Kính lúp. - Máy cưa. - Máy ép 50 tấn. - Thước kim loại(1mm). - Thước kẹp , các miếng kính, bay. - Cân kỹ thuật (1g). - Cát đen, cát tiêu chuẩn khô, giấy hoặc mút. - Dụng cụ đo hệ số thấm. - Nhiệt kế. - Cốc thủy tinh. - Đồng hồ bấm giây. - Đám bằng gỗ. - Thùng ngâm mẫu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngô Trí Sơn - Hồ Sỹ Nhung - Hoàng Mạnh Tuấn - Mạnh Lộc Thắng - Nguyễn Hữu Ngọc - Trần Công Bình

II.2. Cán bộ quản lý và thí nghiệm viên

TT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ đào tạo
1	Ngô Trí Sơn	Trưởng phòng	Đại học chuyên ngành kỹ thuật xây dựng công trình	<ul style="list-style-type: none"> - Chứng chỉ quản lý phòng thí nghiệm. - Chứng chỉ tập huấn tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO/IEC 17025: 2007 - Chứng chỉ đào tạo thí nghiệm về phương pháp xác định các tính chất cơ lý của đất trong phòng và hiện trường. - Chứng chỉ kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn

				<p>chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận đã tham gia khóa tập huấn Phổ biến văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về thí nghiệm, kiểm định và quan trắc công trình xây dựng.
2	Dương Văn Dân	Thí nghiệm viên	Chứng chỉ nghề	<ul style="list-style-type: none"> - Chứng chỉ thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng công trình giao thông. - Chứng chỉ đào tạo thí nghiệm về phương pháp xác định các tính chất cơ bản của đất.
3	Hồ Sỹ Nhung	Thí nghiệm viên	Cao đẳng nghề	<ul style="list-style-type: none"> - Thí nghiệm và kiểm tra chất lượng cầu đường bộ.
4	Hoàng Mạnh Tuấn	Thí nghiệm viên	Chứng chỉ nghề	<ul style="list-style-type: none"> - Thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng công trình giao thông.
5	Lưu đình hùng	Thí nghiệm viên	Chứng chỉ nghề	<ul style="list-style-type: none"> - Thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng.
6	Mạnh Lộc Thắng	Thí nghiệm viên	Bằng nghề	<ul style="list-style-type: none"> - Bằng nghề thí nghiệm vật liệu.
7	Nguyễn Hữu Ngọc	Thí nghiệm viên	Chứng chỉ nghề	<ul style="list-style-type: none"> - Bằng nghề thí nghiệm vật liệu.
8	Phạm Việt Hùng	Thí nghiệm viên	Trung cấp nghề	<ul style="list-style-type: none"> - - Thí nghiệm và kiểm tra chất lượng cầu đường bộ
09	Trần Mạnh Thương	Thí nghiệm viên	Chứng chỉ nghề	<ul style="list-style-type: none"> - Chứng chỉ thí nghiệm cơ lý đất, đá trong phòng và hiện trường.
10	Trương Xuân Giang	Thí nghiệm viên	Chứng chỉ nghề	<ul style="list-style-type: none"> - Chứng chỉ thí nghiệm viên thử nghiệm tính chất cơ lý của xi măng, bê tông và cốt liệu cho bê tông
11	Trần Công Bình	Thí nghiệm viên	Cao đẳng nghề	<ul style="list-style-type: none"> - Chứng chỉ thí nghiệm vật liệu xi măng, bê tông xi măng, nhựa đường, bê tông nhựa, thép và đất xây dựng, - Chứng chỉ nén tĩnh cọc công trình
12	Nguyễn Thị Lan Phương	Thí nghiệm viên	Chứng chỉ nghề	<ul style="list-style-type: none"> - Chứng chỉ chứng nhận thí nghiệm dây dẫn điện và phương pháp đo điện trở tiếp địa
13	Đào Đức Anh	Thí nghiệm viên	Chứng chỉ nghề	<ul style="list-style-type: none"> - Chứng chỉ chứng nhận kiểm tra cấu kiện bằng phương pháp không phá hủy

III. Cam kết của tổ chức:

Công ty TNHH tư vấn kiểm định 88 cam kết bảo đảm và duy trì thường xuyên các điều kiện về nhân lực, thiết bị và không gian thí nghiệm theo đúng quy định của pháp luật.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ và chính xác của toàn bộ thông tin tự công bố nêu trên.

Tổ chức sẽ thực hiện công bố lại thông tin ngay khi có bất kỳ sự thay đổi nào về năng lực hoạt động so với nội dung đã công bố.

Kính đề nghị sở Xây dựng tiếp nhận và đăng tải thông tin năng lực của đơn vị trên Cổng/Trang thông tin điện tử của Quý Sở theo quy định.

Thông tin này đồng thời đã được Công ty TNHH tư vấn kiểm định 88 đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị tại địa chỉ: Số 272, tổ 3, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Nơi nhận:

- Như trên
- Sở xây dựng tỉnh Điện Biên
- Lưu VT

**TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Kiều Oanh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ- DUNG CỤ THÍ NGHIỆM

TT	Tên thiết bị	Đặc tính kỹ thuật chính	Mã hiệu	Xuất xứ	Ngày hiệu chuẩn cuối	Tần suất kiểm tra	Tần suất hiệu chuẩn	Tần suất bảo trì
	Trang thiết bị đo lường							
1.	Máy nén bê tông	0 – 2000KN/5KN	TYE-2000	Trung Quốc	12/2025	6 tháng	1 năm	6 tháng
2.	Máy nén CBR	0-50KN	CBR-2	Trung Quốc	12/2025	6 tháng	1 năm	6 tháng
3.	Máy ép Marshall	0-30KN	LWD-1	Trung Quốc	12/2025	6 tháng	1 năm	6 tháng
4.	Súng bật nảy thử mác bê tông	(0- 100)R	C380	Ý	12/2025	6 tháng	1 năm	6 tháng
5.	Máy siêu âm bê tông	(0.0 -:- 9999) μ s/ 0,1 μ s	C369N	Ý	12/2025	6 tháng	1 năm	6 tháng
6.	Kích thủy lực	200 tấn		Việt Nam	12/2025	6 tháng	1 năm	6 tháng
7.	Cân kỹ thuật điện tử	4100/0,01g	PA 4102	Mỹ	12/2025	6 tháng	1 năm	6 tháng
8.	Cân kỹ thuật điện tử	30 000g/1g	BE- 30	Mỹ	12/2025	6 tháng	1 năm	6 tháng
9.	Cân kỹ thuật điện tử	15000/0,5g	BE- 15	Mỹ	12/2025	6 tháng	1 năm	6 tháng
10.	Máy đo điện trở đất	20 Ω /200 Ω /2000 Ω	4105A	Nhật Bản	12/2025	6 tháng	1 năm	6 tháng
11.	Đồng hồ áp suất	(0÷ 400)kgf/cm ²		T. Quốc	12/2025	6 tháng	1 năm	6 tháng
12.	Đồng hồ áp suất	(0 ÷ 60)Mpa		T. Quốc	12/2025	6 tháng	1 năm	6 tháng

13.	Đồng hồ đo chuyển vị	(0 – 10) mm	Links	T. Quốc	12/2025	6 tháng	1 năm	6 tháng
14.	Đồng hồ đo chuyển vị	(0- 50) mm	Links	T. Quốc	12/2025	6 tháng	1 năm	6 tháng
	Trang thiết bị và dụng cụ khác					6 tháng		6 tháng
15.	Khuôn đúc mẫu xi măng	(40 * 40 * 160)mm (25,4 * 25,4 * 285)mm		Trung Quốc		Thường xuyên		Thường xuyên
16.	Bộ gá nén, uốn mẫu xi măng, mẫu vữa			Trung Quốc		6 tháng		6 tháng
17.	Bộ vica thử đông kết, khả năng giữ nước của xi măng			Trung Quốc		6 tháng		6 tháng
18.	Khuôn Le Chatelier xác định độ ổn định thể tích			Trung Quốc		6 tháng		6 tháng
19.	Sàng độ mịn xi măng	Cỡ sàng: 0,09mm		Trung Quốc		6 tháng		6 tháng
20.	Bộ côn đo độ sụt bê tông	d100/D200*h300 mm		Việt nam		Thường xuyên		Thường xuyên
21.	Khuôn đúc mẫu bê tông các loại	(150 * 150 * 150)mm (150 * 150 * 600)mm (200 * 200 * 200)mm (d150 * h300)mm		Việt Nam		Thường xuyên		Thường xuyên
22.	Bộ kim xuyên thử đông kết bê tông	0- 800N	HG- 80	Trung Quốc		6 tháng		6 tháng
23.	Bộ gá uốn bê tông	150*150*600mm		Việt nam		6 tháng		6 tháng
24.	Bộ ép ché bê tông			Việt nam		6 tháng		6 tháng

25.	Máy cát mẫu bê tông, thép	Đường kính lưới cát 350mm; 380V; 3KW.	Việt Nam	6 tháng	6 tháng
26.	Máy khoan bê tông	Nguồn điện: 220VAC, mũi khoan đến 200mm.	Korea	6 tháng	6 tháng
27.	Máy thử độ mòn Los Angeles	Kèm 12 viên bi thép.	Trung Quốc	6 tháng	6 tháng
28.	Bộ khuôn nén đập xi lanh của cốt liệu lớn	D75 và D150mm	Việt Nam	6 tháng	6 tháng
29.	Bộ côn chày thử độ hấp phụ nước của cát		Việt Nam	6 tháng	6 tháng
30.	Thùng rửa hàm lượng bụi bùn sét của cốt liệu	Dùng cho cát và cho đá	Việt Nam	6 tháng	6 tháng
31.	Thùng đong xác định KLTT xốp của cốt liệu	Loại 1; 2; 5; 10; 20 Lit	Việt Nam	6 tháng	6 tháng
32.	Phễu xác định KLTT xốp của cốt liệu	Phễu dùng cho cát và đá	Việt Nam	6 tháng	6 tháng
33.	Bảng so màu xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ		Việt Nam	6 tháng	6 tháng
34.	Bình xác định khối lượng riêng của cốt liệu	Loại cho cát và cho đá	Việt Nam	6 tháng	6 tháng
35.	Thước kẹp cải tiến xác định hàm lượng thời dẹt		Việt Nam	6 tháng	6 tháng
36.	Bộ sàng phân tích thành phần hạt của cốt liệu	Cỡ sàng: 70; 40; 20; 10; 6,3; 5; 2,5; 1,7; 1,25; 0,63; 0,315; 0,14	Trung Quốc	6 tháng	6 tháng
37.	Dụng cụ xác định góc dốc tự nhiên của cát		Việt Nam	6 tháng	6 tháng
38.	Bộ xác định đương lượng cát		Trung Quốc	6 tháng	6 tháng
39.	Thước đo hạt dài dẹt, tỷ lệ 1:3 - VN		Trung Quốc	6 tháng	6 tháng

40.	Khuôn tạo mẫu CBR	d152 * h178 mm		Việt Nam		Thường xuyên	Thường xuyên
41.	Cối chày Proctor	Loại cải tiến và tiêu chuẩn		Trung Quốc		Thường xuyên	Thường xuyên
42.	Dụng cụ Cassagrande			Trung Quốc		Thường xuyên	Thường xuyên
43.	Bộ thí nghiệm giới hạn dẻo của đất			Trung Quốc		Thường xuyên	Thường xuyên
44.	Bộ chày Vaxiliep			Trung Quốc		Thường xuyên	Thường xuyên
45.	Bình tỷ trọng	100ml		Trung Quốc		6 tháng	6 tháng
46.	Bộ sàng D200 phân tích thành phần hạt	Cỡ sàng: 10; 5; 2; 1; 0,5; 0,425; 0,25; 0,1; 0,075		Trung Quốc		6 tháng	6 tháng
47.	Tỷ trọng kế	151H và 152H		Pháp		6 tháng	6 tháng
48.	Dao vòng	100cm ² ; 200cm ²		Trung Quốc		Thường xuyên	Thường xuyên
49.	Bình phản ứng kiềm silic			Trung Quốc		6 tháng	6 tháng
50.	Bàn kiểm tra góc cạnh, bằng phẳng.			Việt Nam		Thường xuyên	Thường xuyên
51.	Tủ sấy 300°C	0- 300 độ C	101-2	Trung Quốc		6 tháng	6 tháng
52.	Lò nung	0-1200°C	SX ₂ -5-12	Trung Quốc		6 tháng	6 tháng
53.	Bơm hút chân không	5,6/min, độ chân không 6.7 x 10 ⁻²	VE-125	Trung Quốc		6 tháng	6 tháng
54.	Đầm tạo mẫu Marshall (bê tông nhựa)			Trung Quốc		6 tháng	6 tháng
55.	Khuôn tạo mẫu MarShall	d101 * h100 mm		Việt Nam		Thường xuyên	Thường xuyên

56.	Kích đùn mẫu Marshall				Việt Nam			Thường xuyên	Thường xuyên
57.	Thùng ôn nhiệt		HHW-2		Trung Quốc			6 tháng	6 tháng
58.	Máy ly tâm chiết nhựa	0- 3600v/p hút	LF-II		Trung Quốc			6 tháng	6 tháng
59.	Máy thử độ giãn dài nhựa	0- 1500mm /0,1mm	LYS-1		Trung Quốc			6 tháng	6 tháng
60.	Máy đo kim lún nhựa		DF-12		Trung Quốc			6 tháng	6 tháng
61.	Thiết bị thử độ bắt lửa	0- 300°C	SYD-3536		Trung Quốc			6 tháng	6 tháng
62.	Dụng cụ đo hoá mềm nhựa	Kiểu bị rơi	DF-6		Trung Quốc			6 tháng	6 tháng
63.	Thiết bị xác định tồn thất khí nung		101-2		Trung Quốc			6 tháng	6 tháng
64.	Thiết bị thí nghiệm bóc cháy nhựa				Trung Quốc			6 tháng	6 tháng
65.	Bộ dụng cụ xác định khối lượng riêng của bê tông nhựa				Trung Quốc			6 tháng	6 tháng
66.	Thiết bị chung cát nhũ tương				Trung Quốc			6 tháng	6 tháng
67.	Bộ cốc bột khoáng	D25 và D50mm			Việt nam			6 tháng	6 tháng
68.	Bộ sàng D200/D300mm				Việt nam			Thường xuyên	Thường xuyên
69.	Cân benkelman	Tỷ lệ 1:2			Việt nam			6 tháng	6 tháng
70.	Thước 3 mét đo độ bằng phẳng	Kèm nêm 0- 15mm			Trung Quốc			6 tháng	6 tháng
71.	Bộ tám ép phẳng	D 340mm			Việt Nam			Thường xuyên	Thường xuyên
72.	Bộ phễu rót cát	Đo K hiện trường			Việt Nam			Thường xuyên	Thường xuyên

73.	Dao đai xác định độ chặt hiện trường	Loại 200 cm ³ và 625 cm ³		Việt Nam		Thường xuyên	Thường xuyên
74.	Bàn dẫn, khuôn côn, chày đầm vữa.	Xác định độ lưu động của vữa tươi		Việt Nam		Thường xuyên	Thường xuyên
75.	Phễu và giấy lọc	XĐ khả năng giữ độ lưu động của vữa		Việt Nam		6 tháng	6 tháng
76.	Phễu đo độ chảy của vữa	Xác định độ chảy của vữa tươi		Việt Nam		6 tháng	6 tháng
77.	Bộ gá uốn gạch đất sét			Việt Nam		Thường xuyên	Thường xuyên
78.	Gá nén gạch tự chèn	Kích thước: 60 * 120mm		Việt Nam		6 tháng	6 tháng
79.	Dụng cụ thủy tinh	Cốc đong, bình tam giác, ống đong, buret, pipet ..		Trung Quốc		Thường xuyên	Thường xuyên
80.	Bộ thí nghiệm độ bám dính	0.01MPa (Ipsi)	BGD 500	Trung Quốc		6 tháng	6 tháng
81.	Thiết bị đo chiều dày	0,0-2000µm	LS220H	Trung Quốc		6 tháng	6 tháng
82.	Máy thử cường độ bám dính	10KN	LR-6000C	Trung Quốc		6 tháng	6 tháng
83.	Dụng cụ khác	Thước lá, thước thép		Việt nam		Thường xuyên	Thường xuyên
84.	Tủ sấy			Trung Quốc		Thường xuyên	Thường xuyên
85.	Khuôn đúc mẫu bê tông			Trung Quốc		Thường xuyên	
86.	Bộ dụng cụ đo đa chỉ tiêu chất lượng Nước			Trung Quốc		Thường xuyên	Thường xuyên
87.	Dụng cụ Vica - TQ Dùng xác định độ dẻo tiêu và thời gian đông			Trung Quốc		Thường xuyên	Thường xuyên

88.	kết, thời gian kết thúc đồng kết của xi măng Bao gồm: Thân chính gắn thước, thanh dẫn chuẩn, 3 kim chuẩn, khâu chuẩn, tấm kính.			Trung Quốc	6 tháng		6 tháng
-----	---	--	--	------------	---------	--	---------

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH 88

[Handwritten signature]
Ngô Đức Sơn



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Kiều Danh